

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thái Thị Đang

2. Ông Phạm Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Khánh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Huỳnh Chí N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Khánh T trình bày: Bà T và ông Trần Huỳnh Chí N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian sau ngắn, vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông N thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, chăm lo vợ con. Ngoài ra, ông N còn nghiện ma túy nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Bà T đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N vẫn không thay đổi. Từ 04 năm nay, giữa bà T và ông N không còn chung sống

với nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung tên là Trần Cửu Đông T, sinh năm 2012; bà Trâm có nguyện vọng được nuôi cháu Tuyền và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Đối với bị đơn ông Trần Huỳnh Chí N, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông N theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Huỳnh Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Khánh T và ông Trần Huỳnh Chí N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/4/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn yêu cầu được ly hôn với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống theo bà T trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân của bà T và ông N xuất phát từ việc ông N sử dụng ma túy dẫn đến việc ông N bỏ bê vợ con, không lo làm ăn, phụ giúp kinh tế cho bà T tuy bà T đã cho ông N nhiều cơ hội nhưng ông N vẫn không thay đổi nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N. Kể từ năm 2015, bà T cùng con chung cháu Trần Cửu Đông T về nhà mẹ ruột của mình sinh sống cho tới nay, ông N cũng không có những động thái tích cực để hàn gắn, níu kéo bà T về chung sống lại với ông. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án nhân dân huyện D triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ ông N đã không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 01 con chung tên là Trần Cửu Đông T, sinh ngày 18/11/2012; bà T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu T đang ở với bà T, hiện bà T có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Khánh T được ly hôn ông Trần Huỳnh Chí N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Cửu Đông Tuyền, sinh ngày 18/11/2012 cho bà Trần Khánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Trần Huỳnh Chí N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Huỳnh Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Trần Khánh T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002707 ngày 07/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7

và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ